

	Số	Tổng số HS có KQDG	Lớp 1					Lớp 2					Lớp 3					Lớp 4					Lớp 5				
			Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số					
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Nữ
Tốt		798	151	72	1		175	84	2			145	86	1	1		170	88	1	1		157	85				
Đạt		204	41	16			15	5				45	13				49	14	1		2	54	15			1	
Cần cố gắng																											
Giao tiếp và hợp tác	1002	1.002	192	88	1		190	89	2			190	99	1	1		219	102	2	1	2	211	100			1	
Tốt		803	155	74	1		174	82	2			145	86	1	1		170	88	1	1		159	85				
Đạt		199	37	14			16	7				45	13				49	14	1		2	52	15			1	
Cần cố gắng																											
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	1002	1.002	192	88	1		190	89	2			190	99	1	1		219	102	2	1	2	211	100			1	
Tốt		792	152	72	1		175	82	2			143	85	1	1		168	89	1	1		154	84				
Đạt		210	40	16			15	7				47	14				51	13	1		2	57	16			1	
Cần cố gắng																											
Năng lực độc thù	1002	1.002	192	88	1		190	89	2			190	99	1	1		219	102	2	1	2	211	100			1	
Ngôn ngữ	1002	1.002	192	88	1		190	89	2			190	99	1	1		219	102	2	1	2	211	100			1	
Tốt		816	167	78	1		169	82	2			150	86	1	1		170	89	1	1		160	87				
Đạt		186	25	10			21	7				40	13				49	13	1		2	51	13			1	
Cần cố gắng																											
Tính toán	1002	1.002	192	88	1		190	89	2			190	99	1	1		219	102	2	1	2	211	100			1	
Tốt		792	164	74	1		166	80	1			143	84	1	1		167	86	1	1		152	82				
Đạt		210	28	14			24	9	1			47	15				52	16	1		2	59	18			1	
Cần cố gắng																											
Tin học	620	620										190	99	1	1		219	102	2	1	2	211	100			1	
Tốt		459										141	84	1	1		166	86	1	1		152	84				
Đạt		161										49	15				53	16	1		2	59	16			1	
Cần cố gắng																											
Công nghệ	620	620										190	99	1	1		219	102	2	1	2	211	100			1	
Tốt		473										146	85	1	1		169	88	1	1		158	84				
Đạt		147										44	14				50	14	1		2	53	16			1	
Cần cố gắng																											
Khoa học	1002	1.002	192	88	1		190	89	2			190	99	1	1		219	102	2	1	2	211	100			1	
Tốt		815	153	73	1		188	89	2			145	85	1	1		167	87	1	1		162	87				
Đạt		187	39	15			2					45	14				52	15	1		2	49	13			1	
Cần cố gắng																											
Thẩm mỹ	1002	1.002	192	88	1		190	89	2			190	99	1	1		219	102	2	1	2	211	100			1	
Tốt		827	167	82	1		188	89	2			145	84	1	1		169	89	1	1		158	88				
Đạt		175	25	6			2					45	15				50	13	1		2	53	12			1	
Cần cố gắng																											
Thể chất	1002	1.002	192	88	1		190	89	2			190	99	1	1		219	102	2	1	2	211	100			1	
Tốt		835	162	76	1		190	89	2			146	85	1	1		175	90	1	1		162	87				
Đạt		167	30	12								44	14				44	12	1		2	49	13			1	
Cần cố gắng																											
III. Phẩm chất chủ yếu																											
Yêu nước	1002	1.002	192	88	1		190	89	2			190	99	1	1		219	102	2	1	2	211	100			1	
Tốt		932	192	88	1		190	89	2			190	99	1	1		185	95	1	1		175	93				
Đạt		70															34	7	1		2	36	7			1	
Cần cố gắng																											
Nhân ái	1002	1.002	192	88	1		190	89	2			190	99	1	1		219	102	2	1	2	211	100			1	
Tốt		922	192	88	1		190	89	2			181	98	1	1		184	95	1	1		175	92				
Đạt		80										9	1				35	7	1		2	36	8			1	
Cần cố gắng																											
Chăm chỉ	1002	1.002	192	88	1		190	89	2			190	99	1	1		219	102	2	1	2	211	100			1	
Tốt		814	156	77	1		179	84	1			144	85	1	1		165	87	1	1		170	91				
Đạt		188	36	11			11	5	1			46	14				54	15	1		2	41	9			1	
Cần cố gắng																											
Trung thực	1002	1.002	192	88	1		190	89	2			190	99	1	1		219	102	2	1	2	211	100			1	
Tốt		891	180	86	1		190	89	2			168	95	1	1		177	92	1	1	1	176	91				
Đạt		111	12	2								22	4				42	10	1		1	35	9			1	
Cần cố gắng																											
Trách nhiệm	1002	1.002	192	88	1		190	89	2			190	99	1	1		219	102	2	1	2	211	100			1	
Tốt		839	155	76	1		188	89	2			154	88	1	1		174	91	1	1		168	90				
Đạt		163	37	12			2					36	11				45	11	1		2	43	10			1	
Cần cố gắng																											
IV. Đánh giá KQGD	1002	1.002	192	88	1		190	89	2			190	99	1	1		219	102	2	1	2	211	100			1	
- Hoàn thành xuất		423	102	49	1		101	52	1			74	48				68	42				78	48				
- Hoàn thành tốt		191	37	18			38	17				38	23				41	21				37	21				
- Hoàn thành		383	50	21			49	18	1			78	28	1													

